

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 66/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17 tháng 9 năm 2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trường.

*Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Vượng và ông Nguyễn Văn Tư.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Ông Phạm Công Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 289/2020/TLST- HNGĐ ngày 24/7/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2020 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị O, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số A, Tổ dân phố T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt, xin xét xử vắng mặt)

+ **Bị đơn:** Anh Trần Xuân G, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số A, Tổ dân phố T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 24/7/2020 và trong quá trình xét xử, chị Trần Thị O vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày:*

Chị O với anh G kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 21/7/2005 tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn hai người được tự do tìm hiểu. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau. Đến tháng 4/2020 do mâu thuẫn trầm trọng, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở tại thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang ở từ đó đến nay không quay về chung sống với anh G nữa. Hai người ly thân nhau từ đó không ai còn quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh G.

Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung cháu Trần Xuân D, sinh ngày 29/10/2007 hiện đang ở với bố. Cháu phát triển bình thường. Ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Trần Xuân G vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt anh G..*

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, xác minh với ông Nguyễn Đức L tổ trưởng tổ dân phố T cho biết như sau:

Chị O với anh G kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 21/7/2005 tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn hai người được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn Chị O về làm dâu nhà anh G ngay tại số nhà A, Tổ dân phố T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc. Hai người có 1 con chung là cháu Trần Xuân D, sinh ngày 29/10/2007 hiện đang ở với anh G.

Đến tháng 4/2020 do mâu thuẫn vợ chồng, Chị O đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở tại thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang ở từ đó đến nay không quay về chung sống với anh G nữa.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự, đã có đơn xin xét xử vắng mặt, chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa. Bị đơn không đến Tòa án theo như giấy triệu tập của Tòa án, chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Cần chấp nhận ly hôn giữa chị Trần Thị O và anh Trần Xuân G.
- Về nuôi con chung: Chị O và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị O và anh G tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị O phải chịu án phí về ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay Chị O có đơn xin xử vắng mặt, anh G vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh G và Chị O **theo Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.**

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh G và Chị O kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn và cưới hỏi theo phong tục địa phương nên quan hệ hôn nhân giữa anh G và Chị O là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống hai bên thường xảy ra mâu thuẫn vợ chồng do không hợp nhau. Nay xét thấy tình trạng hôn nhân mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho Chị O được ly hôn anh G (theo Điều 56- Luật hôn nhân và gia đình 2014).

[3] Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung cháu Trần Xuân D, sinh ngày

29/10/2007 hiện đang ở với anh G. Cháu phát triển bình thường. Ly hôn Chị O và anh G không đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị O và anh G không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị O phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

#### **Xử:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Trần Thị O và anh Trần Xuân G.

**Về án phí:** Chị Trần Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Chị O đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001514 ngày 24/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận Chị O đã nộp xong án phí sơ thẩm.

**Về quyền kháng cáo:** Chị Trần Thị O và anh Trần Xuân G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND TP B;
- CCTHA-DS TP B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND phường L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Trường**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Trường**